TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2026/DS-PT
Ngày: 10/9/2026
V/v: ''Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi''

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung.

Bà Trần Thị Thanh Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Huỳnh Văn Hảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc *"Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 351/2026/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 316/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 391/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1981; CCCD số: 04918101xxxx; địa chỉ: Tổ E, thôn K, xã Đ, thành phố Đà Nẵng

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1982; CCCD số: 04908201xxxx và bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1987; CCCD số: 04918700xxxx. Cùng địa chỉ: Tổ E, thôn K, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn T1, sinh năm 1979; CCCD số: 04907901xxxx; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Võ Thị Thanh T2, sinh năm: 1984; CCCD số: 04918400xxxx và ông Trần Ngọc V, sinh năm: 1979; CCCD số: 04907901xxxx; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Đều có mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Đại diện Phó Chủ tịch UBND xã Đ, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn trình bày:* Trước đây ba mẹ chồng của bà cho vợ chồng bà cái rẫy ở H, khoảng 8 sào để làm ăn sinh sống. Sau khi bà ly hôn với ông T1 thì bà là người trực tiếp sử dụng làm rẫy trồng keo để có thu nhập lo vào việc học tập và sinh hoạt của các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Từ đường chính vào rẫy của bà có con đường đi. Từ khi nhân dân phát động mở con đường đi chung cho rất nhiều hộ dân, gia đình bà có tham gia hiến công và chung tiền mở đường để được chừa đường đến rẫy. Con đường trên là do tất cả nhân dân có rẫy cùng đóng góp và mở đường, bà đã vận chuyển hàng hóa trên con đường rất nhiều năm nay rồi. Vào ngày 09/6/2022, bà có gọi tổ lao động khai thác cây keo để lấy tiền sắm sách vở, quần áo, tiền trường cho các con. Khi xe vào chở cây keo thì bị vợ chồng ông M, bà T và ông V, bà T2 đón đường xe từ đoạn đường xe qua rẫy ông M, không cho xe vào rẫy của bà để chở số cây keo bà đang cắt làm dang dỡ. Số cây keo bà đã cắt dỡ dang không chở được là 1 xe và số cây keo chưa cắt thì sau đó cũng bị gió bão ngã gãy gây hư hại cho bà.

Bà không biết vì lý do gì bị đón xe chở keo, vì con đường này là con đường dân sinh, những người làm rẫy đã góp công, góp tiền để được chừa đường lên đến rẫy. Bà đã làm đơn báo về xã và được xã hoà giải nhưng không được.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà T, ông V, bà T2 chấm dứt hành vi cản trở bà đi lại, lưu thông trên đường đất lâm sinh có sẵn đoạn qua rẫy của ông M, bà T có chiều dài 43,24m, chiều rộng 3,5m; diện tích đoạn đường 43,24 x 3,5 = 151,34m^2 tại thửa đất số 1893, tờ bản đồ số 02, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời trước đây khi khởi kiện bà yêu cầu ông M, bà T, ông V, bà T2 phải bồi thường cho bà số tiền thiệt hại do cây keo hư hỏng không chở đi bán được là 150.000.000 đồng, lúc đó giá cây bà thu hoạch là 1.570.000 đồng/tấn. Giá keo thay đổi như thế nào, cao hơn hoặc thấp hơn thì bà đều chấp nhận. Tại cấp sơ thẩm, bà yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm theo quy định của pháp luật, được bao nhiêu thì bà hay bấy nhiêu.

- *Bị đơn là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:* Trước đây khi hiến đất làm đường thì gia đình ông cùng nhiều hộ có hiến đất để làm đường nên vào tháng 06/2022, ông bà nghĩ là đường đi qua đất của ông thì ông cho ai đi qua thì người đó được đi nên ông không đồng ý cho bà Nguyễn Thị K vận chuyển khai thác keo đi qua đoạn đường mà ông đã hiến đất để làm. Hơn nữa, bà Nguyễn Thị K thiếu trách nhiệm với gia đình ông. Tại cấp sơ thẩm, ông bà được công khai chứng cứ và ý kiến của Ủy ban nhân

dân xã Đ, được giải thích quyền về lối đi chung thì ông được biết con đường lâm sinh này trước đây mọi người hiến đất tự mở lối đi và đã có trên hồ sơ địa chính nên tại phiên tòa, vợ chồng ông M, bà T đồng ý không cản trở bà K sử dụng lối đi này, để cho bà K đi lại, vận chuyển bình thường. Còn về phần bồi thường thiệt hại thì vợ chồng ông bà không đồng ý bồi thường vì ông bà chỉ nói không cho xe chạy qua đất của gia đình nhưng khi đó chưa thấy xe vào chở cây và vợ chồng ông bà cũng không biết bà K đã chặt bao nhiêu xe keo, khối lượng là bao nhiêu tấn. Ông bà không biết cụ thể giá keo bán lúc đó là bao nhiêu tiền/tấn nhưng trong năm 2022 thì giá keo chưa bao giờ quá 1.400.000 đồng/tấn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Ông Nguyễn T1 trình bày:* Ông thống nhất với bà yêu cầu của bà K. Trước đây, ba mẹ ông có rẫy keo mà bà K đang sử dụng. Ba mẹ ông cho vợ chồng ông sử dụng đất này ở H. Khi đó ông có tham gia làm đường và góp tiền sửa đường đến rẫy của ông. Khi ly hôn thì ông và bà K thống nhất là để thửa đất nói trên cho bà K sử dụng lấy nguồn thu nuôi con. Trước đây khi ông sử dụng đất nói trên thì khi khai thác cây cối cũng vận chuyển trên con đường qua đất của ông M bình thường như các hộ dân khác. Khi bà K khai thác keo thì vợ chồng ông M, vợ chồng ông V ngăn cản vận chuyển là vô lý. Mọi thiệt hại thì phải do vợ chồng ông M, vợ chồng ông V phải chịu trách nhiệm. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

+ *Ông Trần Ngọc V và bà Võ Thị Thanh T2 trình bày:* Vào tháng 06/2022, vợ chồng ông bà không biết bà K có thu hoạch keo hay không, cũng chưa thấy bà K chở keo xuống. Lúc đó, vợ chồng ông bà đi thăm rẫy keo của vợ chồng ở gần đó nên có mặt chỗ rẫy keo của ông M. Vợ chồng ông bà không cản trở bà K chở cây keo nhưng vì bà K ngăn cản, xả rác, để rác phía sau nhà của vợ chồng ông bà, gây mất vệ sinh, vợ chồng ông bà không đi được nên vợ chồng ông bà đồng ý là không cho bà K qua rẫy keo của ông M, khi nào bà K không cản trở và làm vệ sinh sạch rác chỗ đất sau nhà mà ông bà sử dụng thì ông bà không cản trở bà K sử dụng đường đi. Ông bà không biết cụ thể giá keo bán lúc đó là bao nhiêu tiền/tấn nhưng trong năm 2022 thì giá keo chưa bao giờ quá 1.400.000 đồng/tấn. Tại phiên tòa ngày 06/7/2026, bà T2 thừa nhận hiện tại bà vẫn không đồng ý cho bà K vận chuyển, đi lại trên con đường đang tranh chấp lối đi.

- *Ủy ban nhân dân xã T nay là xã Đ trình bày:* Thực tế con đường dẫn vào thửa đất của bà Nguyễn Thị K rất dài, đã hình thành trên 20 năm, con đường trên xuất phát từ đường mòn, lối mở. Trước đây là con đường mòn đi bộ nhân dân tự phát đi để chăn thả gia súc, sau thời gian kinh tế dần phát triển nhân dân tự ý thỏa thuận cùng nhau hiến đất và góp công sức, tiền của để mở đường vận chuyển hàng nông sản, đến nay vận chuyển, khai thác cây lâm nghiệp, khi đoạn đường dẫn qua đến thửa đất ông Trần Văn M, ông M lại cản trở. Hiện tại con đường dẫn vào thửa đất bà Nguyễn Thị K có thể hiện trên Bản đồ cơ sở dữ liệu đất đai xã T.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự số: 351/2026/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo đã xử và quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, Điều 227, 228 và Điều 235, Điều

246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, 164, 169, 170, 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; các Điều 5, khoản 10 Điều 11, Điều 26 của Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V, bà Võ Thị Thanh T2, về việc tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V, bà Võ Thị Thanh T2 chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn bà Nguyễn Thị K sử dụng lối đi là đường đất lâm sinh tại vị trí thửa đất số 1893, tờ bản đồ số 02 xã Đ, thành phố Đà Nẵng có chiều dài 43,24m, rộng 3,5m; diện tích đoạn đường 43,24 x 3,5 = 151,34m^2;

3. Buộc bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V, bà Võ Thị Thanh T2 phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm là giá trị cây keo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị K với số tiền 11.000.000 *(mười một triệu)* đồng, chia phần cụ thể như sau: Buộc vợ chồng ông M, bà T bồi thường cho bà K số tiền 5.500.000 đồng, buộc vợ chồng ông V, bà T2 bồi thường cho bà K số tiền 5.500.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Trần Ngọc V, bà Võ Thị Thanh T2 phải liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 7.000.000 *(bảy triệu)* đồng, chia phần: Buộc vợ chồng ông M bà T phải trả lại cho bà K là 3.500.000 *(ba triệu, năm trăm nghìn)* đồng; buộc vợ chồng ông V, bà T2 phải trả lại cho bà K là 3.500.000 *(ba triệu, năm trăm nghìn)* đồng.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 600.000 đồng; buộc ông Trần Ngọc V và bà Võ Thị Thanh T2 phải chịu 600.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011445 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2026, bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án nhân dân thành

phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Ngày 16/7/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V thì thấy:

[1.1] Đối với yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở lối đi: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bao gồm: Bản đồ cơ sở dữ liệu đất đai xã Đ (xã T cũ); Biên bản xác minh ngày 04/3/2026 tại Ủy ban nhân dân xã; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2023 và 15/4/2026, xác định: Đoạn đường tranh chấp là đường đất lâm sinh tiếp giáp thửa đất số 1893, tờ bản đồ số 02 (xã Đ) có chiều dài 43,24m, chiều rộng 3,5m, diện tích 151,34m² nằm trong diện tích đất giao thông đường lâm sinh của địa phương. Con đường này có nguồn gốc là đường mòn dân sinh hình thành hơn 20 năm, do các hộ dân có rẫy (trong đó có gia đình nguyên đơn và gia đình bị đơn) cùng nhau đóng góp công sức, tiền của và hiến đất mở rộng. Theo quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 về Quyền về lối đi qua: Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản liền kề dành cho mình một lối đi thuận tiện và hợp lý nhất ra đường công cộng. Do đó, việc ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T tự ý chặn đường, ngăn cấm không cho phương tiện vào vận chuyển cây keo từ rẫy của bà K với lý do cá nhân là hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi hợp pháp của người khác. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, sau khi được công khai chứng cứ và giải thích pháp luật, ông M và bà T đã tự nguyện cam kết đồng ý không cản trở bà K sử dụng lối đi này. Sự tự nguyện này phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở bà Nguyễn Thị K sử dụng lối đi là đường đất lâm sinh tại vị trí thửa đất số 1893, tờ bản đồ số 02 xã Đ, thành phố Đà Nẵng có chiều dài 43,24m, rộng 3,5m; diện tích đoạn đường 43,24 x 3,5 = 151,34m^2 là có cơ sở.

[1.2] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Biên bản làm việc ngày 25/6/2022 của Ban N có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T (cũ) và Đơn xác nhận ngày 07/10/2022 được Ủy ban nhân dân xã T: Vào tháng 06/2022, bà Nguyễn Thị K có hợp đồng khai thác rẫy keo và đã chặt hạ, bóc vỏ được khoảng 01 xe (khối lượng ước tính 10 tấn) tập kết tại rẫy, chuẩn bị vận chuyển ra ngoài tiêu thụ. Lúc này, ông Trần Văn M cùng ông Trần Ngọc V đã có hành vi trực tiếp đón đầu đường, ngăn chặn xe vận tải vào chở keo. Do đường đi duy nhất bị chặn, số lượng 10 tấn keo đã khai thác của bà K không được vận chuyển ra ngoài để tiêu thụ.

Hành vi ngăn chặn của phía bị đơn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại tài sản thực tế của nguyên đơn. Do đó, căn cứ các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, người gây thiệt hại có trách nhiệm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh.

[1.2.1] Về giá trị thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 04/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã xác định giá keo tại địa phương vào thời điểm tháng 6/2022 là 1.100.000 đồng/tấn để làm căn cứ tính thiệt hại là hoàn toàn có cơ sở.

[1.2.2] Về phân định nghĩa vụ bồi thường: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2026, ông V, bà T2 trình bày không cho bà K sử dụng lối đi đang tranh chấp đến khi nào bà K dọn sạch rác trên diện tích đất phía sau nhà ông V, bà T2. Từ khai nhận nêu trên, việc cấp sơ thẩm nhận định ông V, bà T2 đã tham gia cùng với ông M, bà T để cản trở bà K sử dụng lối đi đang tranh chấp nên cần buộc cả ông V, bà T2 chấm dứt hành vi cản trở bà K sử dụng lối đi nêu trên và cùng có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông M, bà T bồi thường cho bà K 5.500.000 đồng, buộc vợ chồng ông V, bà T2 bồi thường cho bà K 5.500.000 đồng là có cơ sở thực tế.

[2] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị Ánh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Trần Ngọc V, bà Võ Thị Thanh T2 phải liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 7.000.000 *(bảy triệu)* đồng, chia phần: Vợ chồng ông M bà T phải trả lại cho bà K là 3.500.000 đồng, buộc vợ chồng ông V, bà T2 phải trả lại cho bà K là 3.500.000 đồng.

[4] Án phí DSST: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 600.000 đồng; ông Trần Ngọc V và bà Võ Thị Thanh T2 phải chịu 600.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011445 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[5] Về án phí DSPT: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 351/2026/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 163, 164, 169, 170, 254, 288, 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 351/2026/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí DSPT: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001131 ngày 28/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Võ Thị Thanh T2 và ông Trần Ngọc V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001130 ngày 28/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND khu vực 5 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Bé